

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CHIẾN THẮNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CHIẾN THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703006988

**3. Ngày thành lập:** 29/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Biệt Thự Song Lập, Ô số 26, Khu A, Đường DG3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0913 333 025

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)                                                                            | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở)                                  | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (Không hoạt động tại trụ sở)                                                          | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                      | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                              | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm và đồ dùng bằng nhựa                                | 4669(Chính) |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                    | 6820        |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                             | 7490        |
| 10. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4721        |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4722        |
| 12. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Không hoạt động tại trụ sở)                                                         | 1010        |
| 13. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)                                                 | 1020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 14. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                              | 1030                                                               |
| 15. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>(Trừ luyện cán cao su và tái chế phế thải tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                     | 2220                                                               |
| 16. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                               | 2310                                                               |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Trừ vận tải chất khí hóa lỏng)                                                                                                                                                                                                                         | 4933                                                               |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                       | 5022                                                               |
| 19. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                         | 5224                                                               |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa                                                                                                                                                                                                       | 5229                                                               |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                        | 7730                                                               |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211                                                               |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212                                                               |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                | 4299                                                               |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật<br>về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi<br>trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt<br>động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với<br>ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp<br>mã với Hệ thống ngành<br>kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 281015893

Ngày cấp: 16/08/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương